

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN PHONG
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27/4/2022.

V/v: Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN PHONG, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Xuân Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nghiêm Đình Ché.

2. Bà Nguyễn Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27/4/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 13/2022/TLST-HNGĐ ngày 18/02/2022 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31/3/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Q Đ, sinh năm 1990.

Trú tại: Số nhà 15/14 phố Lê H P, phường Đ N, thành phố T S, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

Bị đơn: Chị Nguyễn T K L, sinh năm 1994.

Trú tại: Số 07, ngõ 01 phố Mới, thị trấn Chờ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là anh Nguyễn Q Đ trình bày:

- *Về quan hệ vợ chồng*: Anh kết hôn với chị Nguyễn T K L, sinh năm 1994; trú tại: Số 07, ngõ 01 phố Mới, thị trấn Chờ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh vào ngày 14/5/2015 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đình Bảng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng về sinh sống tại khu phố Xuân Đài, phường Đình Bảng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến khoảng tháng 8/2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng hay bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Sau nhiều lần nói chuyện nhưng không có kết quả. Đến khoảng tháng 8/2017 thì chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị L và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tâm.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Q H, sinh ngày 06/5/2014 và cháu Nguyễn Q S, sinh ngày 04/8/2016. Hiện hai cháu đang ở với chị L. Ly hôn anh xin được nuôi cháu Sang và để chị L nuôi cháu Hương. Vấn đề đóng góp phí tổn nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, công nợ*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là chị Nguyễn T K L trình bày:

- *Về quan hệ vợ chồng*: Chị xác nhận quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn như anh Đ trình bày là đúng. Sau khi kết hôn được một thời gian ngắn thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. nguyên nhân là do anh Đ không quan tâm gì đến vợ con, có nhiều mối quan hệ ngoài luồng, cặp bồ với người phụ nữ khác. Hai vợ chồng đã nói chuyện thẳng thắn với nhau nhưng không có kết quả. Đến tháng 8/2017, chị đã dọn về nhà bố mẹ đẻ sinh sống cùng với hai con từ đó cho đến nay. Hiện tại chị không có thai, nay chị xác định không còn tình cảm với anh Đ, anh Đ xin ly hôn thì chị đồng ý.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Q H, sinh ngày 06/5/2014 và cháu Nguyễn Q S, sinh ngày 04/8/2016. Hiện hai cháu đang ở với chị. Ly hôn chị xin được nuôi cả hai con chung và yêu cầu anh Đ phải đóng góp phí tổn nuôi con là 1.500.000đ/cháu/tháng cho đến khi các con chung trưởng thành.

- *Tài sản chung, công nợ*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong căn cứ Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử của Hội đồng xét xử tại phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn là đúng với quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị HĐXX áp dụng: Các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và

gia đình; Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn T K L và anh Nguyễn Q Đ.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Q H, sinh ngày 06/5/2014 cho chị Nguyễn T K L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Nguyễn Q S, sinh ngày 04/8/2016 cho anh Nguyễn Q Đ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Vấn đề đóng góp phí tổn nuôi con không xem xét giải quyết do giao mỗi người nuôi một con chung.

+ Về tài sản chung, công nợ: Không có, không xem xét giải quyết.

Anh Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra, công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn. Bị đơn là chị Nguyễn T K L, sinh năm 1994; Trú tại: Số 07, ngõ 01 phố Mới, thị trấn Chờ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Phong theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Nguyễn Q Đ và chị Nguyễn T K L kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 14/5/2015 tại UBND phường Đình Bảng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Do vậy đây là hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau ngày cưới, vợ chồng về sinh sống tại khu phố Xuân Đài, phường Đình Bảng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo anh Đ trình bày là do vợ chồng hay bất đồng quan điểm, không hợp nhau; theo chị L trình bày do anh Đ không quan tâm gì đến vợ con, có nhiều mối quan hệ ngoài luồng, cặp bồ với người phụ nữ khác. Vợ chồng sống ly thân từ khoảng tháng 8 năm 2017 cho đến nay, không ai quan tâm gì đến ai. Vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện nhưng không có kết quả. Nay anh Đ xác định không còn tình cảm với chị L, vợ chồng không có khả năng về đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị L. Chị L thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn trong cuộc sống, vợ chồng chị sống ly thân từ tháng 8/2017 cho đến nay,

không ai quan tâm đến ai, chị xác định không còn tình cảm gì với anh Đ. Nay anh Đ xin ly hôn với chị thì chị đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Nguyễn Q Đ và chị Nguyễn T K L đã đến mức trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2017 cho đến nay, không ai quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ. Hôn nhân thực tế không tồn tại do hai bên đã sống ly thân, phía anh Đ vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn với chị L và chị L cũng đồng ý, nên HĐXX áp dụng Điều 51, 55 Luật hôn nhân gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị L và anh Đ là phù hợp.

- **Về con chung:** Chị L và anh Đ đều thừa nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Q H, sinh ngày 06/5/2014 và cháu Nguyễn Q S, sinh ngày 04/8/2016. Hiện các cháu đang ở với chị L.

Ly hôn anh Đ xin được nuôi cháu Sang, để chị L được nuôi cháu Hương. Anh Đ không yêu cầu chị L phải đóng góp phí tổn nuôi con.

Ly hôn chị L xin được nuôi cả hai con chung và yêu cầu anh Đ phải đóng góp phí tổn nuôi con chung là 3.000.000đ/tháng cho đến khi các con chung trưởng thành.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng anh Đ, chị L trình bày có hai con chung như trình bày ở trên là đúng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được nuôi cháu Sang, để chị L nuôi cháu Hương. Vấn đề đóng góp phí tổn nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được nuôi con và yêu cầu anh Đ phải đóng góp phí tổn nuôi con là 3.000.000đ/02 cháu/tháng cho đến khi các con chung trưởng thành.

Xét về yêu cầu nuôi con chung khi ly hôn của anh Đ, chị L HĐXX xét thấy:

Sau khi ly thân từ tháng 08/2017 cho đến nay các con chung đã sinh sống ổn định cùng với chị L. Mặc dù cả anh Đ và chị L đều cung cấp cho Tòa án căn cứ chứng minh đủ điều kiện về kinh tế và mọi mặt để có thể nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Quá trình giải quyết vụ án thì con chung là cháu Nguyễn Q H có mong muốn được ở với chị L nếu chị L và anh Đ ly hôn. Bên cạnh đó tại phiên tòa hôm nay, chị L cung cấp cho Tòa án xác nhận của nơi các con chung đang học ổn định tại thị trấn Chờ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Do vậy để đảm bảo ổn định định cuộc sống hiện tại và nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần cho các con chung của anh Đ và chị L. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cho chị L tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung là phù hợp và cần chấp nhận. Chị L cùng các thành viên gia đình chị phải tạo điều kiện cho anh Đ cùng các thành viên gia đình đến thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn: Chị L yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000đ/02 cháu/tháng. Tại phiên tòa hôm nay, nếu chị L được nuôi cả hai con thì anh Đ cũng đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của chị L là đóng góp phí tổn nuôi hai con chung là 3.000.000đ/tháng cho đến khi hai cháu trưởng thành.

- **Về tài sản chung, công nợ:** Không có, không xem xét giải quyết.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm và cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Q Đ phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273 - Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Q Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Q Đ và chị Nguyễn T K L.

2. Về nuôi con khi ly hôn: Giao con chung là cháu Nguyễn Q H, sinh ngày 06/5/2014 và cháu Nguyễn Q S, sinh ngày 04/8/2016 cho chị Nguyễn T K L được tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Không lạm dụng việc thăm nom gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng và giáo dục con cái.

Anh Nguyễn Q Đ phải đóng góp phí tổn nuôi con chung là 3.000.000đ/02 cháu/tháng cho đến khi các con chung trưởng thành.

3. Về tài sản chung, công nợ: Không có, không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Q Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí (Xác nhận anh Nguyễn Q Đ đã nộp 300.000đ án phí theo biên lai thu số AA/2021/0004197 ngày 15/02/2022 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh).

Anh Nguyễn Q Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./..

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện Yên Phong;
- Chi cục THADS huyện Yên Phong;
- Các đương sự;
- Lu HS, VP;

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Ngô Xuân Hà